

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Trần Hằng Ly - Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 10/01/2018; ngày sửa chữa: 16/01/2018; ngày duyệt đăng: 29/01/2018.

Abstract: This paper presents the results of a survey conducted to investigate aggressive behaviors amongst students at local secondary schools in localities of Nghe An province. Results show a medium level of aggressive behaviors at secondary school students. Moreover, the students tend to verbally attack rather than physically assault. Aggressive behaviors are different between males and females, and amongst local secondary schools. Factors influencing aggressive behaviors such as students' self-control, and school connectedness are also mentioned in this article.

Keywords: Aggression, aggressive behavior, secondary school students.

1. Mở đầu

Gây hấn trong trường học hiện đang trở thành vấn nạn của xã hội, nó diễn ra dưới nhiều hình thức với các cấp độ khác nhau. Nguyên nhân của những gây hấn này phần lớn xuất phát từ những xích mích rất nhỏ của học sinh (HS). Tuy nhiên, những nghiên cứu về hành vi gây hấn trước đây lại chủ yếu tập trung vào lứa tuổi HS trung học phổ thông [1; tr 69]. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng hành vi gây hấn của HS trung học cơ sở (THCS) nhằm làm rõ hành vi gây hấn, các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi gây hấn, từ đó có những biện pháp tác động phù hợp nhằm giảm thiểu những hành vi gây hấn của HS THCS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng hành vi gây hấn của HS THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chúng tôi tiến hành khảo sát 379 HS tại 05 trường THCS (Đặng Thai Mai, Hưng Bình, Nghi Mỹ, Mường Xén, dân tộc nội trú (DTNT) Kỳ Sơn) từ tháng 6-8/2017 bằng nhiều phương pháp nghiên cứu như: nghiên cứu lí luận, điều tra bằng bảng hỏi, sử dụng thang đo "Hành vi gây hấn bên ngoài dành cho sự đánh giá khách quan về gây hấn lời nói và gây hấn hành vi" của Yudofstey và cộng sự (1986) [2], thống kê toán học và sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 23.0 để xử lí số liệu.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng hành vi gây hấn (xem bảng 1)

Bảng 1. So sánh các hành vi gây hấn của HS tại 05 trường THCS

Các loại gây hấn	Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)
Gây hấn bằng lời nói	2,07	0,61

Gây hấn hành vi	Với đồ vật	1,69	0,65
	Với bản thân	1,58	0,62
	Với người khác	1,62	0,61

Kết quả *bảng 1* cho thấy: Các em có xu hướng gây hấn bằng lời nói nhiều nhất với ĐTB là 2,07. Tiếp đến là gây hấn hành vi với đồ vật (ĐTB = 1,69), gây hấn hành vi với người khác (ĐTB = 1,62) và cuối cùng là gây hấn hành vi với bản thân (ĐTB = 1,58). Như vậy, đa số HS chọn cách gây hấn với người hoặc vật xung quanh thay vì tự làm đau chính bản thân mình. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trần Văn Công và cộng sự (2016) [3].

Những biểu hiện hành vi gây hấn của HS THCS được thể hiện ở *bảng 2* (xem trang bên).

Bảng 2 cho thấy: biểu hiện của gây hấn bằng lời nói như "Mắng người khác bằng những lời xúc phạm chính họ (ở mức độ nhẹ) được các em sử dụng với tần suất nhiều nhất với ĐTB = 2,37, ví dụ "Bạn thật ngu ngốc". Hầu hết, các em đều cho rằng, việc mắng người khác là hành động bình thường. Tuy nhiên, với những HS có tâm lí nhạy cảm khi bị bạn bè xúc phạm sẽ cảm thấy tổn thương về mặt tinh thần. Mỗi khi tức giận, các em còn có hành vi gây hấn với đồ vật như "Vẽ bậy, ném, đá đồ vật nhưng không làm hỏng", sỡ dĩ là do ở lứa tuổi này quá trình hưng phấn chiếm ưu thế rõ rệt, sự ức chế bị kém đi, dẫn đến nhiều khi các em không làm chủ được mình, dễ bộc phát cáu gắt.

So sánh ĐTB các biểu hiện của gây hấn hành vi với bản thân, chúng tôi nhận thấy: các em có xu hướng nhiều nhất là "Đập đầu, đập tay vào các đồ vật, tự quăng mình xuống sàn hoặc vào các vật nào đó" (ĐTB = 1,67), còn "Tự làm đau bản thân như gây ra những vết cắt sâu, tự cắn chảy máu, gây ra những vết thương nặng..." là ít nhất (ĐTB = 1,43).

Bảng 2. Biểu hiện hành vi gây hấn của HS 05 trường THCS

Các loại gây hấn		Biểu hiện	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Gây hấn bằng lời nói		Làm ồn, hét lên một cách giận dữ	2,13	0,85	2
		Mắng người khác bằng những lời xúc phạm chính họ (ở mức độ nhẹ)	2,37	0,99	1
		Nói bậy, nói tục, chửi rủa ác ý đe dọa người khác hoặc bản thân (ở mức độ vừa phải)	2,03	0,90	3
		Đưa ra các mối đe dọa bạo lực rõ ràng ví dụ như sẽ làm hại đến người khác	1,75	0,92	4
Gây hấn hành vi	Với đồ vật	Vẽ bậy, ném đá đồ vật nhưng không làm hỏng	0,86	0,86	9
		Đập mạnh cửa, vứt quần áo lung tung, tạo thành một mớ hỗn độn	0,85	0,85	12
		Phá đồ vật, đá vào tường, đập vỡ cửa sổ	0,86	0,86	9
	Với bản thân	Tự cào xước da, tự đánh bản thân và giật tóc mình (không có hoặc chỉ gây ra các vết thương nhẹ)	0,86	0,86	9
		Đập đầu, đấm tay vào các đồ vật, quăng mình xuống sàn hoặc vào các vật nào đó (chỉ đau đớn chứ không gây ra các tổn thương nguy hiểm)	0,94	0,94	6
		Gây ra các vết cắt, vết bầm hoặc vết bỏng nhỏ cho bản thân	0,87	0,87	8
		Tự làm đau bản thân: gây ra những vết cắt sâu, tự cắn chảy máu, gây ra những vết thương nặng, gãy xương, mất ý thức, gãy răng...	0,77	0,77	14
	Với người khác	Làm cử chỉ đe dọa, huých vào người các bạn khác	1,05	1,05	5
		Tấn công, đá, đẩy, kéo tóc người khác nhưng không gây chấn thương cho họ	0,93	0,93	7
		Tấn công những người khác, gây ra các tổn thương nhẹ, trung bình (vết bầm tím, bong gân...)	0,85	0,85	12
		Tấn công người khác, gây ra những tổn thương thân thể nghiêm trọng (gãy xương, gây ra những vết thương nặng, vết rách sâu...)	0,72	0,72	15

Trong nhóm gây hấn hành vi với người khác thì biểu hiện “*Làm cử chỉ đe dọa, huých vào người các bạn khác*” xuất hiện với tần suất nhiều hơn so với các biểu hiện khác (ĐTB = 1,80). Kết quả trên cho thấy, các em dễ dàng bị kích động, khó kiềm chế bản thân và tạo điều kiện cho hành vi gây hấn bộc lộ.

Hành vi gây hấn của HS THCS có sự khác nhau giữa nam và nữ, kết quả ở bảng 3.

Bảng 3. So sánh sự khác biệt về giới tính của hành vi gây hấn

Các loại gây hấn		Giới tính		Giới tính	
		Nam		Nữ	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Gây hấn bằng lời nói		2,05	0,63	2,09	0,59
Gây hấn hành vi	Với đồ vật	1,71	0,63	1,68	0,68
	Với bản thân	1,62	0,66	1,55	0,59
	Với người khác	1,78	0,66	1,46	0,53

Bảng 3 cho thấy, cả nam và nữ đều có xu hướng thực hiện hành vi gây hấn lời nói nhiều hơn các loại gây hấn khác. Nữ có mức độ sử dụng gây hấn lời nói (ĐTB = 2,09) nhiều hơn nam (ĐTB = 2,05). Tuy nhiên, về gây hấn hành vi với bản thân, đồ vật và người khác, nam lại thực hiện với tần suất nhiều hơn nữ, nữ thường sử dụng phương tiện lời nói nhằm gây tổn thương cho người khác hơn là sử dụng những gây hấn mang tính chất bạo lực như nam. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đây của Hoàng Xuân Dung và cộng sự (2010) [1], rằng HS nam có tỉ lệ sử dụng các hành vi gây hấn mang tính chất bạo lực cao hơn HS nữ, trong khi đó HS nữ thường gây hấn bằng lời nói về mặt tinh thần nhiều hơn nam [4; tr 63].

Hành vi gây hấn của HS THCS tỉnh Nghệ An có sự khác nhau giữa các vùng miền (xem bảng 4 trang bên).

Bảng 4 cho thấy sự khác biệt về thực trạng hành vi gây hấn của HS. Các em HS của trường THCS Đặng Thai Mai và THCS Hưng Bình (TP. Vinh) có mức độ

Bảng 4. So sánh các hành vi gây hấn của HS giữa các trường THCS

Trường		THCS Đặng Thai Mai		THCS Hưng Bình		THCS Nghi Mỹ		THCS thị trấn Mường Xén		THCS DTNT Kỳ Sơn	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Hành vi gây hấn											
Gây hấn bằng lời nói		2,14	0,72	2,13	0,63	2,12	0,47	1,99	0,65	1,97	0,53
Gây hấn hành vi	Với đồ vật	1,48	0,43	1,67	0,58	1,72	0,58	1,73	0,71	1,85	0,70
	Với bản thân	1,66	0,71	1,58	0,56	1,57	0,60	1,55	0,33	1,53	0,59
	Với người khác	1,34	0,29	1,48	0,42	1,63	0,62	1,66	0,64	1,72	0,69

thực hiện hành vi gây hấn bằng lời nói nhiều nhất (ĐTB là 2,14 và 2,13). HS trường THCS DTNT Kỳ Sơn có xu hướng thực hiện hành vi gây hấn với đồ vật và gây hấn với người khác cao nhất. Về gây hấn hành vi với bản thân, HS trường THCS Đặng Thai Mai có mức độ gây hấn cao hơn các trường còn lại, HS trường THCS DTNT Kỳ Sơn có mức độ thực hiện loại gây hấn này thấp nhất với ĐTB là 1,53.

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hành vi gây hấn của HS THCS, kết quả ở bảng 5 cho thấy: Tính gắn kết trường học có sự tương quan nghịch ở mức độ cao với hành vi gây hấn của HS THCS. Cụ thể, tính gắn kết trường học có hệ số tương quan nghịch chặt chẽ ở mức độ trung bình ($r = -1,86^{**}$) với gây hấn bằng lời nói nhưng tương quan nghịch chặt chẽ ở mức độ cao với các loại gây hấn còn lại. Điều này cho thấy, những HS có tính

gắn kết trường học càng cao thì mức độ gây hấn của các em càng thấp. Theo Resniek và cộng sự (1997), tính gắn kết trường học có thể được định nghĩa là sự gắn kết giữa HS với HS, với thầy cô, và với môi trường học đường mà ở đó, các em được tôn trọng, đối xử công bằng và cảm thấy an toàn về cả mặt cảm xúc và hành vi.

Khả năng tự kiểm soát được chia thành 2 loại: kiểm soát tích cực và kiểm soát tiêu cực. Khả năng tự kiểm soát tích cực tương quan nghịch chặt chẽ ở mức độ trung bình ($r = -1,86^{**}$) với gây hấn bằng lời nói và tương quan nghịch ở mức độ cao với các loại gây hấn còn lại, tức là ở một số HS khả năng tự kiểm soát tích cực càng tốt thì các em có mức độ gây hấn càng thấp. Trong khi đó, khả năng tự kiểm soát tiêu cực tương quan thuận chặt chẽ với các loại hành vi gây hấn. Điều này chỉ ra rằng HS có khả năng kiểm soát tiêu cực càng cao thì có xu hướng thực hiện hành vi gây hấn càng nhiều.

Để giảm thiểu những biểu hiện hành vi gây hấn ở HS THCS, các nhà trường cần xây dựng được chương trình

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi gây hấn của HS 05 trường THCS

Các loại gây hấn		Gây hấn bằng lời nói		Gây hấn hành vi					
				Với đồ vật		Với bản thân		Với người khác	
		Hệ số tương quan (r)	Mức ý nghĩa (p)	Hệ số tương quan (r)	Mức ý nghĩa (p)	Hệ số tương quan (r)	Mức ý nghĩa (p)	Hệ số tương quan (r)	Mức ý nghĩa (p)
Tính gắn kết trường học		-1,86**	0,01	-2,19**	0,00	-2,54**	0,00	-2,67**	0,00
Khả năng tự kiểm soát	Tích cực	-1,86**	0,00	-2,19**	0,00	-2,54**	0,00	-2,67**	0,00
	Tiêu cực	4,88**	0,00	3,44**	0,00	2,62**	0,00	2,28**	0,00

can thiệp hợp lý, chú ý đến vai trò của mối quan hệ bè bạn từ đó xây dựng môi trường học tập thân thiện, có những hoạt động giúp tăng sự thân thiện, đoàn kết giữa HS với HS. Đối với giáo viên có thể tổ chức những buổi sinh hoạt với chủ đề: “Giảm thiểu hành vi gây hấn”, hướng dẫn HS tự chủ động rèn luyện, nâng cao khả năng tự kiểm soát. Trong gia đình, cần xây dựng bầu không khí tâm lý hòa thuận, dân chủ trong gia đình. Phụ huynh cần trau dồi kiến thức về tâm sinh lý lứa tuổi vị thành niên để hiểu con, làm bạn cùng con, chia sẻ mọi buồn vui cũng như khó khăn trong cuộc sống, qua đó hướng dẫn con những kỹ năng giải quyết mâu thuẫn xung đột và làm chủ cảm xúc của chính bản thân mình nhằm giảm thiểu suy nghĩ tiêu cực cũng như gây hấn thái độ. Mỗi HS cần có những kỹ năng để phòng tránh hành vi gây hấn như: giao tiếp, kiểm soát cảm xúc bản thân, ứng xử, giải quyết tình huống chứa mâu thuẫn trong xã hội. Khi chứng kiến hành vi gây hấn, các em cần có thái độ như: phản đối, lên án hành vi này.

3. Kết luận

Khảo sát cho thấy, thực trạng hành vi gây hấn của HS THCS trên địa bàn nghiên cứu có mức độ trung bình; các em có xu hướng gây hấn lời nói nhiều hơn gây hấn hành vi; hành vi gây hấn có sự khác biệt giữa nam và nữ, giữa các trường; có một số yếu tố ảnh hưởng tới hành vi gây hấn ở HS THCS đó là tính gắn kết trường học và khả năng tự kiểm soát. Để giảm thiểu hành vi gây hấn ở HS, các trường THCS cần: tăng cường các mối quan hệ giữa HS, giáo viên, phụ huynh, các tổ chức xã hội; tổ chức các buổi nói chuyện, các chương trình phòng ngừa; can thiệp sớm đối với những HS có hành vi gây hấn...

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Xuân Dung (2010). *Khác biệt về giới trong hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông*. Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới, quyển 20, số 3, tr 68-77.
- [2] Yudofsky, S. C. - Silver, J. M. - Jackson, W. - Endicott, J. - Williams, D. (1986). *The Overt Aggression Scale for the objective rating of verbal and physical aggression*. The American journal of psychiatry.
- [3] Trần Văn Công - Nguyễn Thị Hồng - Lý Ngọc Huyền (2016). *Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về “Phòng, chống bạo lực học đường trong bối cảnh hiện nay”. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 336-324.
- [4] DeWall, C. N. - Baumeister, R. F. - Stillman, T. F. - Gailliot, M. T. (2007). *Violence restrained: Effects*

of self-regulation and its depletion on aggression. Journal of Experimental Social Psychology, Vol. 43(1); pp. 62-76.

- [5] Trần Thị Minh Đức (2013). *Hành vi gây hấn của học sinh phổ thông trung học*. Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu Châu Á và Quỹ cao học Hàn Quốc, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Orpinas, P. - Frankowski, R. (2001). *The Aggression Scale: A self-report measure of aggressive behavior for young adolescents*. The Journal of Early Adolescence, Vol. 21(1), pp. 50-67.
- [7] Kim, E. J. - Namkoong, K. - Ku, T. - Kim, S. J. (2008). *The relationship between online game addiction and aggression, self-control and narcissistic personality traits*. European psychiatry, Vol. 23(3), pp. 212-218.
- [8] Salkind, N. J. (2008). *Encyclopedia of educational psychology*. SAGE publications.

VAI TRÒ CỦA GIÁNG VIÊN...

(Tiếp theo trang 60)

chính SV còn có một nhân tố quan trọng từ sự tận tâm, nhiệt huyết và chu toàn trong vai trò hướng dẫn của GV. Mỗi GV cần xác định cho SV động cơ học tập đúng đắn, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, xem TH như là một tiêu chí hàng đầu trong quá trình đào tạo để hình thành phương pháp TH, tạo nền tảng cho năng lực TH cho SV. Dạy học trên giảng đường không phải là cung cấp một khối lượng kiến thức hàn lâm kinh điển mà dạy cho người học phương pháp tiếp cận thông tin, phương pháp tư duy, xử lý thông tin để họ có thể tiếp tục học, nghiên cứu sau khi ra trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Robert J. Marzano - Debra J. Pickering - Jane E. Pollock (2011). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Trần Thành (2007). *Triết học với đổi mới và đổi mới nghiên cứu giảng dạy triết học*. NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Đào Đức Doãn - Trần Đăng Sinh (2006). *Triết học - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đặng Xuân Hải (2013). *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. NXB Bách khoa.
- [5] Thái Duy Tuyên (2007). *Triết học giáo dục Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm.